

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-PT.

Ngày: 06/12/2017

V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mã Út B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp HL, xã HL, huyện Giồng Riềng, tỉnh KG.

- Bị đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1981.

HKTT: Khu vực TLA, phường TA, Quận ÔM, thành phố CT.

Tạm trú: Ấp HL, xã HL, huyện Giồng Riềng, tỉnh KG.

- Người kháng cáo: Anh Mã Út B, nguyên đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn anh Mã Út B trình bày:*

Anh và chị Trần Thị G tự quen biết tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới vào ngày 25/01/2006 (al), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện GR vào ngày 14/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị G không biết suy nghĩ, không cố gắng lo làm ăn, làm công việc nhà, tính tình khó khăn, thiếu tôn trọng anh và bất kính với mẹ anh. Vợ chồng đã nhiều lần giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung tên là Mã Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 26/7/2008 và Mã Quốc Đông, sinh ngày 17/5/2011. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn với chị G. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Bị đơn chị Trần Thị G trình bày:* chị xác định lời trình bày của anh B về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Chị không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, thương con và muốn cho anh B cơ hội thay đổi để xây dựng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân anh B xin ly hôn do khoảng bốn năm gần đây anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà có thái độ lạnh nhạt với chị, khi chị lại gần anh thì bị anh xua đuổi. Mẹ chồng chị biết sự việc anh B có người phụ nữ khác nhưng vẫn không giải quyết mà còn bênh vực, bao che cho anh B. Do bị chồng và gia đình bên chồng lạnh nhạt nên chị cùng đưa con nhỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống từ tháng 3/2017. Chị cương quyết không ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung và tài sản chung. Chị mong muốn anh B cùng chị chung sống để nuôi dạy các con trưởng thành.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2008 cháu Nhi có nguyện vọng sống với cha khi cha mẹ ly hôn.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 55/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mã Út B đối với chị Trần Thị G.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2017 anh Mã Út B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị G; Về con chung: Đồng ý giao 2 con chung tên Mã Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 26/7/2008 và Mã Quốc Đông, sinh ngày 17/5/2011 cho chị Trần Thị G nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 2 con theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn anh Mã Út B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn với chị G, về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Mã Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 26/7/2008 không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng đối với cháu Nhi, riêng đứa con trai tên Mã Quốc Đông, sinh ngày 17/5/2011 anh đồng ý giao cho chị G nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Đông theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị Trần Thị G vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với anh Mã Út B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: anh B và chị G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, anh B cho rằng chị G không biết suy nghĩ, không lo làm ăn, thiếu tôn trọng anh B và bất kính với mẹ anh B. Còn chị G cho rằng anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, lạnh nhạt với chị G, mẹ chồng không giải quyết mà còn bao che cho anh B. Trong thời gian ly thân, anh B không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu chị G. Chị G không đồng ý ly hôn do còn thương chồng, thương con và muốn tạo điều kiện cho anh B suy nghĩ lại để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con cái; tuy nhiên chị G thừa nhận mỗi lần về nhà anh B thì anh B bỏ đi chỗ khác, không còn quan tâm, gần gũi chị G.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh B và chị G đã được Tòa án tổ chức hòa giải 02 lần để hai người đoàn tụ nhưng anh B cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B xác định không còn tình cảm với chị G và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị G. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ý kiến chị G cho rằng anh, chị chưa trao đổi để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để không chấp nhận cho anh B ly hôn với chị G là không phù hợp.

Về con chung: ghi nhận ý kiến của anh B và chị G giao cháu Mã Thị ngọc Nhi cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu Mã Quốc Đông cho chị G nuôi dưỡng. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đông theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo của anh B. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ-ST ngày 07/9/2017 của TAND huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang về phần hôn nhân và nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị G tự quen biết tìm hiểu nhau, được gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới vào ngày 25/01/2006 (al), đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang vào ngày 14/11/2008. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hôn nhân hợp pháp là có căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Xét kháng cáo của anh B: tại phiên tòa anh B cho rằng thời gian đầu anh và chị G chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị G không làm tròn trách nhiệm con dâu trong gia đình với mẹ anh vì anh, chị sống chung cùng với mẹ ruột của anh, chị G thiếu tôn trọng anh, anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị G không thay đổi. Đồng thời hiện tại tình cảm của anh đối với chị G không còn nên anh không thể chung sống với chị G được nữa. Tại phiên tòa chị G cũng thừa nhận anh chị có mâu thuẫn và trong khoảng thời gian 02 năm gần đây anh B có quan hệ với người phụ nữ khác nên ban ngày anh B đi làm còn buổi tối thì không còn về nhà chung sống với chị. Anh B không còn quan tâm đến chị, chị đến gần thì anh B xua đuổi chị. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm với anh B và chị muốn con chị có gia đình đầy đủ cha, mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn giữa chị G và anh B là mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B là chưa đánh giá hết mức độ mâu thuẫn và khả năng hàn gắn tình cảm của anh B và chị G.

Mục đích của hôn nhân là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; sống cùng với nhau và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Hiện tại, anh B không còn tình cảm với chị G, anh không quan tâm đến đời sống của chị G. Chị G cũng xác định anh B không chung thủy và đã không còn quan tâm đến chị trong thời gian dài, đồng thời hiện tại chị G đã về quê

ở Thành phố Cần Thơ sinh sống từ tháng 3 năm 2017. Chị G không đồng ý ly hôn với anh B nhưng chị cũng xác nhận nếu chị quay lại sống chung với anh B thì anh B cũng bỏ mặc chị mà không quan tâm. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh B vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của anh B chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị G.

[3]. Về con chung: anh B và chị G có hai con chung là cháu Mã Thị Ngọc Nhi sinh ngày 26/7/2008 và cháu Mã Quốc Đông sinh ngày 17/5/2011. Cháu Nhi hiện đang được anh B chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu được sống cùng với anh B. Còn cháu Đông hiện do chị G nuôi dưỡng, chị G cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đông nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nhi cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu Đông cho chị G nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa, anh B không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu Nhi, chị G yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Đông theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị G yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng, tại phiên tòa anh B xác định nghề nghiệp của anh là làm nông nghiệp và làm thuê nên thu nhập không ổn định, anh B cũng đang nuôi một con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tình hình thu nhập thực tế và mức lương tối thiểu theo quy định nên xét buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu Đông mỗi tháng là 700.000 đồng là phù hợp. Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: anh B và chị G không yêu cầu và không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Mã Út B, sửa án sơ thẩm. Chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị G, giao cháu Nhi cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu Đông cho chị G nuôi dưỡng; anh B cấp dưỡng nuôi cháu Đông mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu Đông tròn 18 tuổi.

[6] Về án phí: anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng. Anh B không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Mã Út B.

- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 6 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Mã Út B được ly hôn với chị Trần Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mã Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 26/7/2008 cho anh Mã Út B nuôi dưỡng. Giao cháu Mã Quốc Đông sinh ngày 17/5/2011 cho chị Trần Thị G nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu Nhi.

Anh Mã Út B phải cấp dưỡng nuôi cháu Mã Quốc Đông mỗi tháng là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Đông tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật (06/12/2017).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B chậm thực hiện nghĩa vụ thì anh B phải trả lãi với đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh B, chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét

4. Về án phí:

- Anh Mã Út B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng. Án phí phúc thẩm anh B không phải chịu. Anh Mã Út B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh đã

nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008003 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008210 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã HL, huyện Giồng Riềng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Minh Trang